

Số: /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo
6.2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về ngân hàng hợp tác xã, việc trích nộp, quản lý và sử dụng Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về ngân hàng hợp tác xã, việc trích nộp, quản lý và sử dụng Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về ngân hàng hợp tác xã, việc trích nộp, quản lý và sử dụng Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Trường hợp Giấy phép của ngân hàng hợp tác xã bị mất, bị rách nát, hư hỏng, ngân hàng hợp tác xã phải có văn bản nêu rõ lý do gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) đề nghị xem xét cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước xem xét, cấp bản sao từ sổ gốc cho ngân hàng hợp tác xã.

Văn bản đề nghị cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc được gửi tới Ngân hàng Nhà nước bằng một trong những hình thức sau:

a) Nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có).

Khi nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc trên Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (nếu có), văn bản điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Văn bản đề nghị là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF). Trường hợp hệ thống Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

b) Nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước;

c) Gửi qua dịch vụ bưu chính.”.

2. Bổ sung điểm c vào khoản 2 Điều 13 như sau:

“c) Bổ sung vốn điều lệ từ nguồn vốn hỗ trợ của Nhà nước.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 17 như sau:

“5. Kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước về đối tượng, nội dung, phạm vi, thời hạn kiểm tra theo các quy định sau:

a) Ngân hàng hợp tác xã có trách nhiệm xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 5 Điều này và gửi Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi quy chế này được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Quy chế kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, ngân hàng hợp tác xã phải gửi Ngân hàng Nhà nước để thực hiện công tác quản lý;

b) Quy chế kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân phải được Hội đồng quản trị phê duyệt và đảm bảo có tối thiểu các nội dung sau:

(i) Đối tượng thực hiện kiểm tra;

(ii) Phạm vi, nội dung, mục đích, nguyên tắc kiểm tra;

(iii) Quy trình thực hiện kiểm tra;

(iv) Thời hạn kiểm tra;

(v) Quyền và trách nhiệm của các bên có liên quan.”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm c(iii) khoản 8 Điều 17 như sau:

“(iii) Quy định về việc nhập, xuất, bảo quản, kiểm kê, quản lý sổ tiết kiệm trắng; thu hồi, tiêu hủy sổ tiết kiệm trắng không sử dụng được của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật;”.

5. Bổ sung điểm đ vào khoản 8 Điều 17 như sau:

“đ) Tiếp nhận sổ tiết kiệm trống không sử dụng được từ quỹ tín dụng nhân dân và thực hiện tiêu hủy theo quy định.”.

6. Bổ sung khoản 10 vào Điều 17 như sau:

“10. Giám sát quỹ tín dụng nhân dân theo các quy định sau:

a) Ngân hàng hợp tác xã thực hiện giám sát đối với từng quỹ tín dụng nhân dân và hệ thống quỹ tín dụng nhân dân để hỗ trợ cho hoạt động quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực và thực hiện vai trò là ngân hàng của tất cả quỹ tín dụng nhân dân;

b) Hoạt động giám sát của ngân hàng hợp tác xã phải đảm bảo nguyên tắc sau:

(i) Được thực hiện trên cơ sở thông tin, dữ liệu thu thập được để tổng hợp, phân tích nhằm phòng ngừa, phát hiện kịp thời rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng, vi phạm quy định an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

(ii) Phải tuân thủ pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của quỹ tín dụng nhân dân thành viên;

c) Nội dung giám sát bao gồm giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn hoạt động ngân hàng, các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, trong đó tập trung vào một hoặc một số hoặc tất cả các nội dung sau đây:

(i) Giám sát tuân thủ các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động; phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro;

(ii) Giám sát tuân thủ việc đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của người quản lý, người điều hành và việc tuân thủ cơ cấu quản trị, điều hành, kiểm soát;

(iii) Giám sát tuân thủ quy định của pháp luật về cho vay, gửi tiền, nhận tiền gửi;

d) Ngân hàng hợp tác xã có trách nhiệm xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung Quy chế giám sát quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 10 Điều này và gửi Ngân hàng Nhà nước có ý kiến trước khi quy chế này được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Quy chế giám sát quỹ tín dụng nhân dân được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, ngân hàng hợp tác xã phải gửi Ngân hàng Nhà nước để thực hiện công tác quản lý;

đ) Quy chế giám sát quỹ tín dụng nhân dân phải được Hội đồng quản trị phê duyệt và có tối thiểu các nội dung sau:

(i) Nguyên tắc giám sát;

(ii) Trình tự, thủ tục giám sát;

(iii) Nội dung giám sát;

(iv) Nguyên tắc lập, phê duyệt báo cáo giám sát;

(v) Quản lý, lưu trữ tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ hoạt động giám sát;

(vi) Các mẫu biểu báo cáo giám sát;

(vii) Quyền và trách nhiệm của các bên có liên quan;

e) Báo cáo kết quả giám sát quỹ tín dụng nhân dân (theo từng quỹ tín dụng hoặc theo khu vực; hệ thống quỹ tín dụng nhân dân) phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính chậm nhất 15 ngày kể từ ngày có kết quả giám sát.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 20 như sau:

“2. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.”.

8. Bổ sung điểm đ vào khoản 1 Điều 21 như sau:

“đ) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 21 như sau:

“a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau:

“Điều 32. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước:

a) Thanh tra, kiểm tra hoạt động của ngân hàng hợp tác xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao đối với việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;

b) Thanh tra, kiểm tra ngân hàng hợp tác xã trong việc lập, quản lý, sử dụng Quỹ bảo toàn và có ý kiến đối với Quy chế kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Thông tư này;

c) Tham mưu Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao ngân hàng hợp tác xã thực hiện kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân, tiếp nhận Quy chế kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

a) Giám sát hoạt động của ngân hàng hợp tác xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao đối với việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;

b) Giám sát ngân hàng hợp tác xã trong việc lập, quản lý và sử dụng Quỹ bảo toàn theo quy định tại Thông tư này;

c) Cấp bản sao Giấy phép từ sổ gốc cho ngân hàng hợp tác xã theo quy

định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

d) Có ý kiến đối với quy chế do ngân hàng hợp tác xã xây dựng theo quy định tại khoản 10 Điều 17 Thông tư này;

đ) Nhận các báo cáo, quy chế do ngân hàng hợp tác xã xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 13; khoản 1, khoản 6, khoản 10 Điều 17; Điều 29 Thông tư này.

3. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực:

a) Yêu cầu ngân hàng hợp tác xã cử nhân sự để giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và Phó Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Thông tư này;

b) Tiếp nhận báo cáo kết quả giám sát quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 10 Điều 17 Thông tư này.”.

Điều 2. Thay thế, bỏ một số cụm từ; thay thế Phụ lục của Thông tư số 27/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về ngân hàng hợp tác xã, việc trích nộp, quản lý và sử dụng Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân

1. Thay thế cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố” tại khoản 7, điểm c(ii), điểm d khoản 8 Điều 17 bằng cụm từ “Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực”.

2. Thay thế cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại điểm 3 Phụ lục số 03 bằng cụm từ “Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng”.

3. Thay thế Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2024/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về ngân hàng hợp tác xã, việc trích nộp, quản lý và sử dụng Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân bằng Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Bỏ cụm từ “Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng” tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 6 Điều 17; khoản 1 Điều 26; khoản 4 Điều 29.

5. Bỏ cụm từ “Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,” tại Điều 34.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2025.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, Vụ PC, ATHT4.

THÔNG ĐỐC